

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Mã CK: HAP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2013

Hải Phòng, tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2013

- Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
- Tên viết tắt: TẬP ĐOÀN HAPACO
- Tên giao dịch: HAPACO
- Vốn điều lệ: - Đăng ký: 500.002.510.000 VNĐ
- Đã phát hành: 322.601.220.000 VNĐ
- Địa chỉ: Tầng 5 + 6 Toà nhà Khánh Hội, Lô 2/3C đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Điện thoại: 84. 31. 3556002 Fax: 84. 31. 3556008
- Website: www.hapaco.vn Email: hapaco@hapaco.vn
- Mã cổ phiếu: HAP
- Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055591 ngày 17 tháng 6 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009.
- Mã số doanh nghiệp: 0200371361

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

Tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến, được thành lập ngày 14/9/1960 từ một cơ sở sản xuất giấy nhỏ được công tư hợp doanh thành doanh nghiệp nhà nước (DNNN), chuyên sản xuất các loại bìa Caton với các thiết bị cũ sản xuất trong nước, giải quyết một phần nhu cầu về giấy cho nhân dân Thành phố Hải Phòng thời kỳ chiến tranh. Năm 1975, do nhu cầu giấy viết và giấy in tài liệu tăng cao, Xí nghiệp đã mở rộng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất giấy mỏng, cung cấp các loại giấy in, giấy viết và giấy đánh máy.

Tháng 12/1986, Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến đổi tên thành Nhà máy Giấy Hải Phòng. Thời gian này chất lượng các sản phẩm giấy của Nhà máy không thể cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại của Nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phúc, vì vậy lãnh đạo Nhà máy quyết định chọn phương thức sản xuất mới cho thị trường phía bắc, cải tiến các thiết bị sản xuất giấy vệ sinh trên dây truyền thiết bị cũ tiết kiệm hàng tỷ đồng, bên cạnh đó đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Liên Xô (cũ).

Năm 1991, Nhà máy đã nhanh chóng tiếp cận thị trường Đài Loan, xuất khẩu sang Đài Loan sản phẩm giấy đế, một mặt hàng hoàn toàn mới tại Việt Nam thời gian đó, nhờ vậy sản xuất kinh doanh của Nhà máy ổn định và tăng trưởng vững chắc.

Tháng 12/1992 Nhà máy Giấy Hải Phòng đổi tên thành Công ty Giấy Hải Phòng (HAPACO). Từ đây Công ty đã lớn mạnh không ngừng, bình quân tăng trưởng hàng năm 31%, đặc biệt năm 1996 tỷ lệ tăng trưởng trên 200%. HAPACO trở thành Công ty đứng thứ 2 ở Miền Bắc trong ngành Giấy.

Đầu năm 1998 Công ty Giấy Hải Phòng đã tách 3 phân xưởng sản xuất để thực hiện thí điểm cổ phần hóa đầu tiên ở Miền Bắc. Công ty tách một bộ phận thành lập Công ty Cổ phần Hải Âu (HASCO). Đến tháng 9/1999, vốn điều lệ của HASCO đã tăng trưởng gấp 3 lần, chia cổ tức cho cổ đông trị giá bằng 100% vốn cổ phần. Với kết quả như trên, UBND Thành phố Hải Phòng quyết định cổ phần hóa phần còn lại của Công ty. Ngày 28/10/1999 Công ty Giấy Hải Phòng chính thức hợp nhất vào Công ty Cổ phần Hải Âu, đổi tên thành Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng HAPACO.

Tháng 8/2000, HAPACO là một trong 04 Công ty Cổ phần đầu tiên của cả nước niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 07/4/2006, trong phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng HAPACO thành Công ty Cổ phần HAPACO.

Ngày 25/11/2006, Nhà máy giấy Kraft của Công ty đã cho ra đời sản phẩm giấy đầu tiên, đây là nhà máy sản xuất giấy Kraft xuất khẩu lớn nhất Miền Bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm. Công trình được thành phố Hải Phòng gắn biển Công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

Tiếp tục củng cố, xây dựng và mở rộng quy mô doanh nghiệp, HAPACO đã mua lại các nhà máy, các công ty trong và ngoài ngành giấy nâng tổng số công ty thành viên là 05 công ty, đáp ứng yêu cầu ổn định nguồn nguyên liệu sản xuất và đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó với điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi trong các năm từ 2003 - 2007 Công ty đã thực hiện đầu tư tham gia vào lĩnh vực tài chính chứng khoán như góp vốn thành lập Công ty Chứng khoán Hải Phòng, thành lập Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Hải Phòng và Công ty TNHH Đầu tư Tài chính HAPACO đã đem lại lợi nhuận đáng kể.

Năm 2009 để đáp ứng quy mô phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, Công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn và đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần HAPACO thành Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (gọi tắt là Tập đoàn HAPACO) gồm 14 Công ty thành viên và 3 Công ty liên kết. Theo đó, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ do từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn chịu trách nhiệm, Ban lãnh đạo Tập đoàn thực hiện vai trò giám sát điều tiết các nguồn lực cho sự phát triển của tất cả các thành viên.

Năm 2011 nhằm tập trung nguồn lực, phát triển thương hiệu, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tập đoàn HAPACO đã tiến hành tái cấu trúc Tập đoàn, phát hành thêm cổ phiếu sáp nhập 2 Công ty con là HAPACO Hải Âu và HAPACO Yên Sơn vào Tập đoàn HAPACO. Bên cạnh đó Tập đoàn HAPACO đầu tư triển khai xây dựng Dự án Bệnh viện Quốc tế Green phân đầu đến quý III/2014 đưa vào vận hành. Dự án Khu Công nghiệp Hải Phòng, HAPACO có 30% đã hoàn tất thủ tục pháp lý hợp tác với đối tác nước ngoài để chuẩn bị triển khai cơ sở hạ tầng.

Năm 2012, nhằm đáp ứng nhu cầu giấy Tissue của thị trường, Tập đoàn đầu tư thêm 02 dây chuyền giấy Tissue tại Công ty Cổ phần HAPACO HPP có đủ điều kiện cần thiết cho lắp đặt và đã đưa vào sản xuất.

Năm 2013 Tập đoàn mua lại Xí nghiệp Sản xuất Giấy xuất khẩu của Công ty TNHH MTV Lâm trường Việt Hưng là DNNN tại tỉnh Yên Bái để tăng sản lượng giấy xuất khẩu của Tập đoàn thêm 10%. Dự án Bệnh viện, Tập đoàn ký kết thỏa thuận hợp tác với đối tác Hàn Quốc để quản lý Bệnh viện Quốc tế Green.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm, thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động xây dựng và quản lý bệnh viện;

2.2. Tình hình hoạt động

Chi tiết tình hình tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 kiểm toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong báo cáo hợp nhất năm tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu, chiến lược trung và dài hạn

Định hướng phát triển của HAPACO đến năm 2015 tập trung vào một số điểm cơ bản sau: Phấn đấu phát triển HAPACO thành một Công ty hoạt động đa ngành có một số lĩnh vực mới như kinh doanh thương mại; bất động sản; tài chính; kinh doanh dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe và đào tạo nguồn nhân lực, giữ vững ngành sản xuất cốt lõi là sản xuất giấy nội địa và xuất khẩu.

3.2. Mục tiêu của HAPACO phấn đấu đến năm 2015

- Sản xuất công nghiệp Giấy và Bột giấy đạt công suất lên 60.000 tấn/năm, đạt doanh thu từ 580 - 600 tỷ đồng/năm.
- Thương mại, tài chính, dịch vụ đạt doanh số: 300 tỷ đồng/năm.
- Kinh doanh Bệnh viện Quốc tế đạt 142 tỷ đồng/năm.
- * Tổng doanh thu đến năm 2015 đạt 1.000 tỷ đồng.
- Đào tạo nguồn nhân lực: Đào tạo lại 1.000 công nhân kỹ thuật của Tập đoàn.

3.3. Các dự án phát triển Công ty trong giai đoạn 2011- 2015

- Dự án Bệnh viện Quốc tế Green tại địa chỉ số 738 đường Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng: Đã cơ bản hoàn thiện xong tất cả các gói thầu xây dựng cơ bản, hiện đang tiến hành đấu thầu mua sắm thiết bị y tế để đưa vào vận hành trong Quý III/2014.
- Dự án Khu Công nghiệp Hải Phòng 513ha của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng là Công ty liên kết với Tập đoàn đang chuyển nhượng 70% cho đối tác nước ngoài cùng hợp tác đầu tư.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2013

Thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội 5 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hải Phòng lần thứ XIV. Mặc dù còn nhiều khó khăn, song ngay từ những ngày đầu, tháng đầu, Tập đoàn đã phát động phong trào thi đua và tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các Công ty thành viên, tập trung phần đầu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn. Với ý trí, sự quyết tâm vượt khó, tập trung trí tuệ và sự phối kết hợp nhịp nhàng của cả hệ thống Tập đoàn, cùng sự tin tưởng gửi gắm của cổ đông và các nhà đầu tư, khó khăn đã được đẩy lùi và kết quả năm 2013 khẳng định sự sáng tạo, nhạy bén trong lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh và đầu tư của Tập đoàn, cụ thể:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (%)	
					SO VỚI KẾ HOẠCH	SO VỚI CÙNG KỶ
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	410.000	508.000	123,90	103,04
2	Doanh thu	Triệu đồng	400.000	390.544	97,64	102,19
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.000	26.781	148,78	202,19
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	Nộp đủ theo phát sinh	37.500	100	119,3
5	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	3.700.000	3.926.000	106	114,2
6	Chi trả cổ tức	%/năm	15	15	100	100

2. Kế hoạch năm 2014

2.1. Các chỉ tiêu chính

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH	ĐVT	KẾ HOẠCH
1	Giá trị SXCN	Triệu đồng	510.000
2	Doanh thu	Triệu đồng	420.000
	Trong đó Xuất khẩu	USD	15.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	30.000.000
4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	Nộp đủ theo phát sinh
5	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	4.200.000
6	Chi trả cổ tức	%/năm	15 (Trong đó phần đầu 5% bằng tiền mặt)

2.2 Các hành động cụ thể

- Giao kế hoạch hàng tháng, hàng quý cho các Công ty thành viên gắn liền với các chỉ tiêu doanh thu, sản lượng và lợi nhuận, trong đó lấy lợi nhuận làm trọng tâm đổi mới phương pháp quản lý.
- Bổ sung hoàn chỉnh các quy chế; tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị và cá nhân những người đứng đầu đơn vị, cán bộ quản lý hoặc phụ trách từng dự án, có thưởng phạt trách nhiệm trên cơ sở khoản chi phí, doanh thu, lợi nhuận, tiến độ của dự án.
- Tuyển chọn đủ nguồn nhân lực cấp cao có chất lượng trong việc điều hành các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ... tổ chức thực hiện các dự án có chất lượng: kịp tiến độ, tránh mọi tiêu cực, lãng phí.
- Thực hành tiết kiệm, tiếp tục giảm thiểu các chi phí đầu vào để tăng khả năng cạnh tranh cho hàng hóa sản phẩm và dịch vụ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ và xử lý kịp thời các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, tài chính và đầu tư để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Bệnh viện để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư. Đồng thời tiếp tục khảo sát, nghiên cứu, xây dựng các dự án mới khả thi, để bổ sung vào kế hoạch và chiến lược xây dựng phát triển của Tập đoàn.
- Tranh thủ các nguồn vốn từ các đối tác nước ngoài và các tổ chức tín dụng để tập trung thực hiện dự án Bệnh viện Quốc tế Green sớm đưa vào vận hành.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Khả năng sinh lời

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2012
1	Lợi nhuận HỖSXKD/Doanh thu thuần	7,6%	3,7%
2	Lợi nhuận HỖSXKD/Tổng tài sản	2,2%	1,7%
3	Lợi nhuận HỖSXKD/Vốn chủ sở hữu	4,8%	2,48%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	728	329

1.2. Khả năng thanh toán

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2012
1	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,05	1,62
2	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,24	2,14

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
1. Tài sản ngắn hạn	693.003.271.430	1. Nợ phải trả	654.085.136.384
2. Tài sản dài hạn	522.335.452.933	2. Vốn chủ sở hữu	556.937.459.960
		3. Lợi ích CĐ thiểu số	4.316.128.019
Cộng	1.215.338.724.363	Cộng	1.215.338.724.363

1.4. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn góp đầu năm:	280.752.610.000 đ
- Vốn góp tăng trong năm:	41.848.610.000 đ
- Vốn góp cuối năm:	322.601.220.000 đ

1.5. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	32.260.122 CP
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	32.260.122 CP
* Trong đó cổ phiếu phổ thông:	32.260.122 CP
- Số lượng cổ phiếu được mua lại:	155.470 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	155.470 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	32.104.652 CP
+ Trong đó cổ phiếu phổ thông:	32.104.652 CP
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/CP

1.6. Các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển:	60.153.508.593 đ
- Quỹ dự phòng tài chính:	6.616.551.635 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	353.187.786.919	362.900.661.459
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.100.609.927	1.705.642.009
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	352.087.176.992	361.195.019.450
11	4. Giá vốn hàng bán	24	304.974.945.167	308.957.246.052
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.112.231.825	52.237.773.398
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	31.992.920.856	2.982.845.830
22	7. Chi phí tài chính	26	9.736.961.030	6.551.424.063
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>8.195.980.043</i>	<i>6.359.990.242</i>
24	8. Chi phí bán hàng	27	18.482.867.675	18.080.921.778
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	26.715.852.898	27.345.338.606
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.169.471.078	3.242.934.781
31	11. Thu nhập khác	29	5.364.259.136	16.276.161.487
32	12. Chi phí khác	30	2.752.158.589	6.273.314.373
40	13. Lợi nhuận khác		2.612.100.547	10.002.847.114
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.781.571.625	13.245.781.895
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.038.124.149	2.959.563.893
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.743.447.476</u>	<u>10.286.218.002</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	32	364.541.917	(274.325.809)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		23.378.905.559	10.560.543.811
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	<u>728</u>	<u>329</u>

Mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều biến động nhưng hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm qua vẫn đạt mức tăng trưởng khá.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		693.003.271.430	376.473.073.469
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.877.858.333	22.446.721.008
111	I. Tiền		57.877.858.333	22.446.721.008
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	326.432.365.400	46.015.797.717
121	1. Đầu tư ngắn hạn		326.518.584.924	46.955.166.841
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(86.219.524)	(939.369.124)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		195.294.029.759	206.522.922.838
131	1. Phải thu khách hàng		44.761.568.804	38.682.958.845
132	2. Trả trước cho người bán		14.931.761.872	20.789.029.592
135	3. Các khoản phải thu khác	5	140.953.620.981	151.900.060.593
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.352.921.898)	(4.849.126.192)
140	IV. Hàng tồn kho	6	101.509.542.252	91.878.385.286
141	1. Hàng tồn kho		101.696.834.493	91.878.385.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(187.292.241)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.889.475.686	9.609.246.620
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		783.269.539	586.132.921
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.397.600.144	4.500.897.216
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		27.271.123	2.578.995
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	4.681.334.880	4.519.637.488

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		522.335.452.933	381.474.776.940
220	I. Tài sản cố định		385.013.446.001	252.168.228.957
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	119.480.651.341	128.787.203.724
222	- Nguyên giá		241.066.086.579	234.134.523.370
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(121.585.435.238)	(105.347.319.646)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	3.809.269.880	2.216.633.140
225	- Nguyên giá		4.337.618.912	2.374.964.076
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(528.349.032)	(158.330.936)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	4.796.614.067	5.151.918.815
228	- Nguyên giá		7.106.094.928	7.132.094.928
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.309.480.861)	(1.980.176.113)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	256.926.910.713	116.012.473.278
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	130.786.573.441	120.230.932.317
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		75.976.000.000	89.746.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		66.797.251.523	41.795.251.523
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(11.986.678.082)	(11.310.319.206)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.546.963.571	2.253.052.306
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.096.388.721	1.927.917.456
268	2. Tài sản dài hạn khác		450.574.850	325.134.850
269	IV. Lợi thế thương mại	14	4.988.469.920	6.822.563.360
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.215.338.724.363	757.947.850.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		654.085.136.384	220.417.404.763
310	I. Nợ ngắn hạn		558.673.335.806	175.838.266.721
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	452.390.950.422	78.572.377.769
312	2. Phải trả người bán		50.610.103.854	31.692.179.329
313	3. Người mua trả tiền trước		2.797.175.259	1.832.982.689
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.717.574.133	8.377.634.479
315	5. Phải trả người lao động		5.633.680.110	4.608.425.577
316	6. Chi phí phải trả	17	6.504.648.584	4.965.672.524
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	34.202.441.768	47.641.118.993
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.183.238.324)	(1.852.124.639)
330	II. Nợ dài hạn		95.411.800.578	44.579.138.042
333	1. Phải trả dài hạn khác		179.900.000	230.900.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	95.231.900.578	44.348.238.042
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		556.937.459.960	533.578.859.545
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	556.937.459.960	533.578.859.545
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.601.220.000	280.752.610.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		126.351.824.219	168.200.434.219
414	3. Cổ phiếu quỹ		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.153.508.593	60.153.508.593
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		6.616.551.635	6.616.551.635
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.877.291.056	22.518.690.641
439	C. LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỐ	32	4.316.128.019	3.951.586.101
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>1.215.338.724.363</u>	<u>757.947.850.409</u>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	353.187.786.919	362.900.661.459
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.100.609.927	1.705.642.009
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	352.087.176.992	361.195.019.450
11	4. Giá vốn hàng bán	24	304.974.945.167	308.957.246.052
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.112.231.825	52.237.773.398
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	31.992.920.856	2.982.845.830
22	7. Chi phí tài chính	26	9.736.961.030	6.551.424.063
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.195.980.043	6.359.990.242
24	8. Chi phí bán hàng	27	18.482.867.675	18.080.921.778
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	26.715.852.898	27.345.338.606
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.169.471.078	3.242.934.781
31	11. Thu nhập khác	29	5.364.259.136	16.276.161.487
32	12. Chi phí khác	30	2.752.158.589	6.273.314.373
40	13. Lợi nhuận khác		2.612.100.547	10.002.847.114
45	14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.781.571.625	13.245.781.895
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.038.124.149	2.959.563.893
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.743.447.476</u>	<u>10.286.218.002</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	32	364.541.917	(274.325.809)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ		23.378.905.559	10.560.543.811
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	<u>728</u>	<u>329</u>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.781.571.625	13.245.781.895
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(3.476.161.630)	28.728.552.297
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.124.621.942	18.637.810.833
03	- Các khoản dự phòng		514.297.223	6.493.629.955
04	- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(324.009.734)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.987.051.104)	(2.762.878.733)
06	- Chi phí lãi vay		8.195.980.043	6.359.990.242
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.305.409.995	41.974.334.192
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		14.048.287.301	(20.295.446.501)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(9.818.449.207)	(11.890.783.111)
11	- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(12.333.090.661)	29.629.390.078
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		1.105.164.515	807.935.806
13	- Tiền lãi vay đã trả		(7.537.187.216)	(6.526.974.201)
14	- Thuế TNDN đã nộp		(4.910.721.114)	(2.756.933.296)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.647.992.682	15.564.615.790
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.752.431.127)	(14.693.227.121)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.754.975.168	31.812.911.636
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(128.858.998.821)	(48.740.603.632)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		134.527.459	6.160.271.076
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(323.867.918.083)	(46.044.500.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		19.302.500.000	226.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.933.516.877)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.180.000.000	20.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.079.044.682	2.615.846.726
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(394.030.844.763)	(73.716.502.707)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		614.368.682.203	163.313.929.590
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(188.645.167.014)	(125.219.242.223)
35	3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(1.021.280.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		424.702.235.189	38.094.687.367

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		35.426.365.594	(3.808.903.704)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.446.721.008	26.279.181.892
61	Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.771.731	(23.557.180)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>57.877.858.333</u>	<u>22.446.721.008</u>

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC)

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có ý kiến

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: Không có

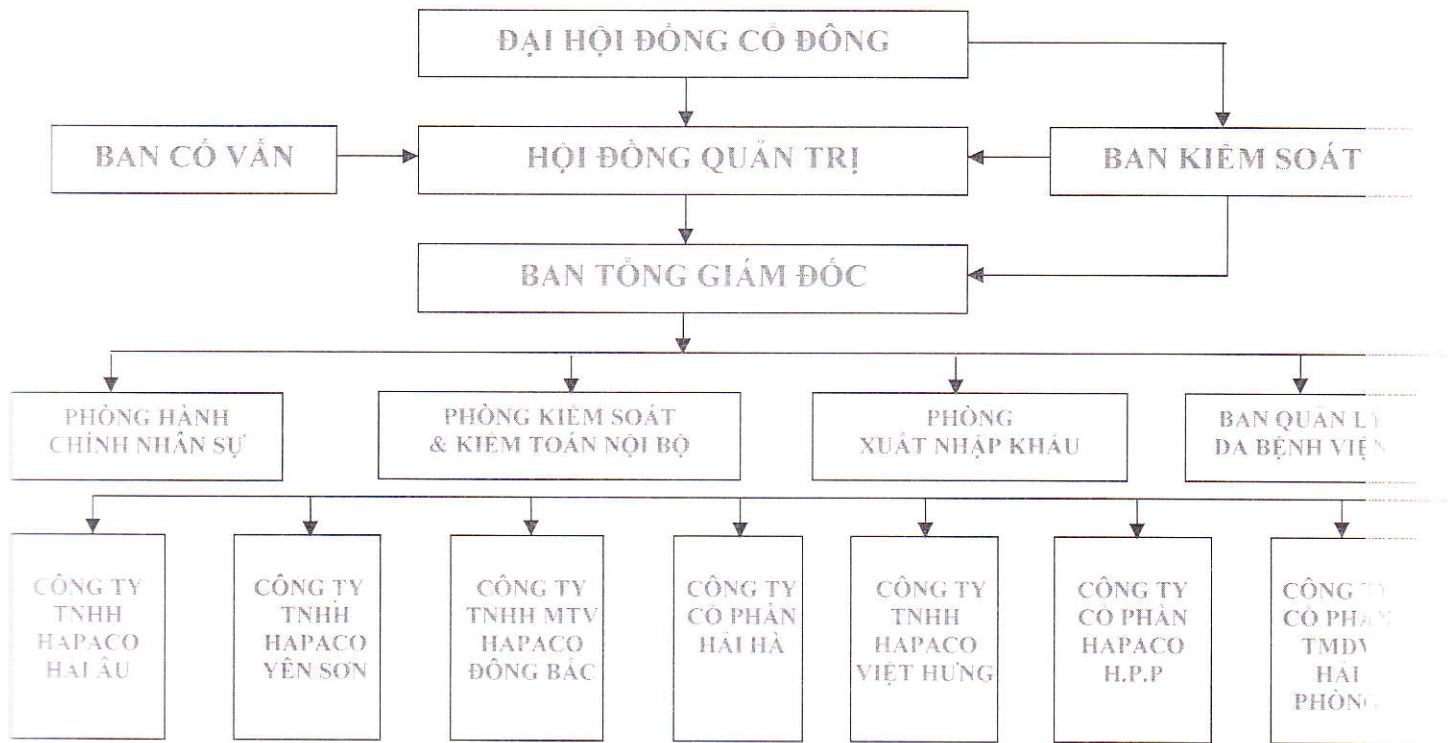
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ:

Đơn vị tính: VND

STT	TÊN CÔNG TY CON	VỐN ĐIỀU LỆ	VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI 31/12/2013	GIA TRỊ VỐN GÓP	TỶ LỆ %
1	Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	32.894.800.000	26.169.600.000	26.169.600.000	100 %
2	Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	100 %
3	Công ty TNHH MTV HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	7.238.119.565	7.238.119.565	100 %
4	Công ty CP Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,54 %
5	Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100 %
6	Công ty CP TMDV Hải phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,84 %
7	Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	10.000.000.000	7.086.500.000	7.086.500.000	100%

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

* Cơ cấu tổ chức



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015

1.1. Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT

- Số CMND: 030664890 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 12/10/2007
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1942
- Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế
- Trình độ chính trị: Chuyên viên lý luận chính trị cao cấp

** Quá trình công tác*

- Từ 1958 - 1964: Giáo viên Trường phổ thông cấp I, II xã Minh Tân
- Năm 1965: Học trường chính trị ngành giáo dục, bí thư đoàn trường
- Từ 1965 - 1967: Hiệu trưởng Trường phổ thông cấp I,II xã Minh Tân
- Từ 1968 - 1977: Bí thư Đảng bộ Xí nghiệp đồ dùng dạy học
- Từ 1977 - 1982: Làm việc tại Ban khoa giáo Thành uỷ Hải Phòng
- Từ 1982 - 1999: Giám đốc Xí nghiệp Giấy bìà Đồng Tiến Hải Phòng
- Từ 1999 - 2008: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO
- Từ 2009 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Số cổ phần đang nắm giữ: 2.162.906 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.2. Ông Vũ Xuân Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT

- Số CMND: 030977072 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 29/11/2000
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/12/1966
- Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 383 5369
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

** Quá trình công tác*

- Trước năm 1990: học nghề
- Từ 1990 - nay: Làm việc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT
- Số cổ phần đang nắm giữ: 263.508 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên HĐQT

- Số CMND: 030125463 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 03/7/1978
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1952
- Nơi sinh: Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 5/A9 phường An Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031.383 5055
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp công nghệ giấy

*** Quá trình công tác**

- Từ 1975 - 1986: Công tác tại Phòng KCS - Công ty giấy Hải Phòng
- Từ 1986 - 1990: Phó quản đốc Xưởng Giấy mỏng Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1990 - 6/2002: Giám đốc Xí nghiệp Giấy mỏng - Công ty CP Giấy Hải Phòng
- Từ 6/2002 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu nay là Công ty TNHH HAPACO Hải Âu.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, Tổng Giám đốc Công ty TNHH HAPACO Hải Âu.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 181.721 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.4. Ông Vũ Xuân Cường - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Số CMND: 012589747 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 31/3/2003
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/4/1971
- Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng - -
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Mễ Trì, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 031. 397 1736
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

** Quá trình công tác*

- Từ 1994 - 1997: Công tác tại Công ty LD Vận tải Việt Pháp, CNTP. Hồ Chí Minh
- Từ 1997 - 2005: Công tác tại Công ty LD Vận tải Việt Pháp, CNTP. Hà Nội
- Từ 2005 - 2008: Giám đốc Nhà máy Giấy Hải Phòng nay là Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P
- Từ 2008 - 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P
- Từ 2011 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Số cổ phần đang nắm giữ: 121.643 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.5. Ông Vũ Xuân Thịnh - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Số CMND: 031168013 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 20/6/1998
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/6/1974
- Nơi sinh: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

** Quá trình công tác*

- Từ 1991 - 1992: Công nhân Nhà máy Giấy Hải Phòng
- Từ 1992 - 1993: Cán bộ kinh doanh Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1993 - 1998: Xưởng trưởng Phân xưởng số 3 Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1998 - 7/2005: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO
- Từ 7/2005 - 4/2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn.
- Từ 5/2007 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 327.902 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.6. Ông Nguyễn Đức Hậu - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- Số CMND: 030925112 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 16/10/2009
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1971
- Nơi sinh: xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 51 Khu nhà ở 261 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6002
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Tài chính Kế toán

** Quá trình công tác*

- Từ 1992 - 1993: Công nhân in Nhà máy Giấy Hải Phòng
- Từ 1993 - 1994: Kỹ thuật Cơ điện Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1995 - 1997: Phó Xưởng trưởng Phân xưởng số 3 Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1998 - 01/2002: Giám đốc Xí nghiệp số 2 Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng
- Từ 02/2002 - 6/2005: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Giấy Hải Phòng.
- Từ 7/2005 - 8/2008 Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn
- Từ 9/2008 - 5/2010 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn.
- Từ 6/2010 - nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 58.351 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

1.7. Ông Bùi Đức Thống - Thành viên HĐQT

- Số CMND: 031157929 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 16/6/1998
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/9/1959
- Nơi sinh: xã An Tiên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã An Tiên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 144 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 029. 385 4491
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp cơ khí xây dựng

* Quá trình công tác

- Từ 1981 - 1985: Công tác tại nhà máy sửa chữa thiết bị cảng biển Công ty Công trình thuỷ, Tổng cục đường biển.
- Từ 1986 - 1988: Cán bộ phòng Kế hoạch sản xuất Xí nghiệp Giấy Hải Phòng
- Từ 1989 - 1990: Quản đốc Xưởng gia công số 4 Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1991 - 1995: Phó Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế Công ty Giấy Hải Phòng
- Từ 1996 - 5/ 2007: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Giấy Trần Yên.
- Từ 2007 - 2011: Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Hà, tỉnh Hà Giang
- Từ 2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 29.566 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2. Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2011 - 2015

2.1. Ông Nguyễn Thanh Toàn - Trưởng Ban Kiểm soát

- Số CMND: 030554350 do Công an TP. Hải Phòng cấp ngày 31/8/2005
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/8/1970
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5 xã Hòa Hy, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6013
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kiểm toán viên

* Quá trình công tác

- Từ 1994 - 1996: Kế toán Công ty Duyên Hải Quảng Ninh
- Từ 1996 - 2000: Kế toán trưởng Xí nghiệp Nhựa bao bì Xuất khẩu Quảng Ninh
- Từ 2000 - 2002: Kế toán Công ty in Quảng Ninh
- Từ 2002 - 2005: Trưởng phòng BHNT, Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Quảng Ninh
- Từ 2005 - 2007: Phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Quảng Ninh
- Từ 2007 - 2009: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Hải Phòng
- Từ 2009 - 2010: Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ Công ty TNHH đầu tư tài chính HAPACO
- Từ 2010 - nay: Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

2.2. Bà Trần Tiểu Phụng - Thành viên Ban Kiểm soát

- Số CMND: 021888137 do Công an TP. HCM cấp ngày 28/02/2009
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1964
- Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Nguyên quán: Phúc Kiến, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: 189 An Dương Vương, phường 8, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903711268
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

* Quá trình công tác

- Từ 1990 - 1993: Công tác tại Công ty Du lịch Văn Minh
- Từ 1993 - 1998: Cửa hàng Mỹ Nghệ Vạn Năng
- Từ 1998 - 2006: Công ty TNHH Thương mại Vạn Năng
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, Giám đốc Phòng vé Vạn Năng.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 538.676 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO, gồm 04 thành viên trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

3.1. Ông Vũ Xuân Cường - Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại mục 1 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015)

3.2. Ông Vũ Xuân Thịnh - Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại mục 1 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015)

3.3. Ông Nguyễn Đức Hậu - Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin chi tiết tại mục 1 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015)

3.4. Ông Nguyễn Văn Ba - Phó Tổng Giám đốc, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng.

- Số CMTND: 030742618 do CA Hải Phòng cấp ngày 22/7/2007
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 23/12/1960
- Nơi sinh: xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 176A Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 031. 355 6005
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm

* *Quá trình công tác*

- Từ 1978 - 1980: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- Từ 1980 - 1982: Học văn hóa ôn thi trường Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô
- Từ 1982 - 1984: Công nhân Quốc phòng, XN cục hậu cần Quân khu 3
- Từ 1984 - 1986: Công ty Bách hóa tổng Phong Lan
- Từ 1986 - 2007: Công ty Thương mại dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng
- Từ 2007 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không

4. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG NĂM GIỮ (CP)	TỶ LỆ NĂM GIỮ (%) (CP)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	261.890	0,811	73
	- Cá nhân	28.685.597	88,92	6.740
2	Cổ đông nước ngoài			
	- Tổ chức	641.910	1,99	14
	- Cá nhân	2.515.255	7,80	589
3	Cổ phiếu quỹ	155.470	0,48	1
	Tổng cộng	32.260.122	100%	7.417

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Nơi nhận

- UBCKNN, SGDC KTPHCM} b/c
- Cổ đông, Nhà đầu tư} t/b
- CBIT Website hapaco.vn
- Lưu TCNS, TKCT



CHỦ TỊCH HĐQT
TS. Vũ Dương Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO